

Sổ tay phòng chống thiên tai

Tiếng Việt

ぼうさいが い ど べとなむごばん
防災ガイド／ベトナム語版



Tỉnh Nara

Mục lục

Các thảm họa tại Nara	さいがい 災害について	1
▪ Động đất ▪ Mưa lớn/ Bão ▪ Lở đất		
Chuẩn bị sẵn sàng cho thảm họa	さいがい 災害への 準備	3
▪ Biết địa điểm lánh nạn ▪ Xác nhận an toàn ▪ Kiểm tra ứng dụng và trang web phòng chống thiên tai ▪ Những vật dụng cần mang khi lánh nạn ▪ Giới thiệu những dụng cụ cố định đồ gia dụng		
Khi thảm họa xảy ra	さいがい お 災害が起きたら	8
▪ Động đất ▪ Mưa lớn và bão		
Kiến thức và ghi chú về thảm họa	さいがい ちしき めも 災害の知識・メモ	11
▪ Các thuật ngữ về thảm họa ▪ Tiếng Nhật hữu ích		

出典 表紙写真 奈良県「わが家の防災対策」より左上 天川村、右中 五條市大塔町
(いずれも紀伊半島大水害当時)
1ページ断層図 「第2次奈良県地震被害想定調査報告書(平成16年10月公表)」より

Các thảm họa tại Nara さいがい 災害について

Nhật Bản có rất nhiều thảm họa thiên nhiên như: động đất, mưa lớn/ bão, sạt lở đất. Ở tỉnh Nara cũng có nhiều loại thiên tai.

Để giảm thiểu thiệt hại do các thảm họa thiên nhiên gây ra, việc lập kế hoạch ứng phó từ trước và giữ bình tĩnh khi thảm họa xảy ra là rất quan trọng.

● Động đất じしん 地震

Khi động đất xảy ra, mặt đất sẽ rung lắc. Động đất xảy ra ngay dưới tỉnh Nara rung lắc mạnh tại những khu vực hẹp. Động đất lớn có thể làm đổ các tòa nhà, khiến nhiều người thiệt mạng và bị thương. Đường xá bị hư hỏng sẽ khiến phương tiện giao thông như xe buýt, ô tô không thể di chuyển được. Hơn nữa, điện, nước, ga sẽ bị cắt và thực phẩm cùng các vật dụng cần thiết không thể vận chuyển đến nơi.

Ngoài ra, động đất xảy ra ở ranh giới mảng kiến tạo ngoài khơi quần đảo Nhật Bản (ví dụ như: trận động đất lớn tại rãnh Nankai, v.v.) có thể gây rung lắc mạnh trên diện rộng và gây ra sóng thần dọc bờ biển. Tỷ lệ xảy ra động đất do nguồn từ rãnh Nankai trong 30 năm qua là 80%.



和歌山県「津波から逃げ切るために」を編集



気象庁HP「阪神・淡路大震災写真集」より

おおあめ たいふう

●Mưa lớn/ Bão 大雨・台風

Bão là hiện tượng mưa lớn kèm gió mạnh.

Có thể gây ra sạt lở đất hoặc lũ lụt.

Cần phải chú ý đến thông tin thời tiết để có biện pháp sớm.

どしやさいがい

●Sạt lở đất 土砂災害

Sạt lở đất là hiện tượng đất đá của núi, thung lũng hòa với nước đổ sụp xuống khi có mưa lớn/ bão hoặc động đất.



<Ảnh của trận lụt lịch sử tại bán đảo Kii năm 2011>



↑ Ngập lụt tại làng Tenkawa

↑ Sạt lở đất tại làng Nosegawa

奈良県「紀伊半島大水害の記録」より

Chuẩn bị sẵn sàng cho thảm họa さいがい 災害への そな 備え

《Biết địa điểm lánh nạn》 に 逃げるところを し 知る

◎Đầu tiên, hãy tìm hiểu nơi lánh nạn khi có thảm họa và ghi vào thẻ khẩn cấp cá nhân (→trang 13)!

Hãy cùng bàn bạc với gia đình, người quen về nơi tập trung.

Khi có chỉ dẫn lánh nạn (→trang 10) hoặc khi nhà ở có nguy hiểm vào lúc thiên tai xảy ra hãy tới “Địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định” hoặc “Nơi lánh nạn được chỉ định”

Hãy nhận bản đồ phòng chống thiên tai tại tòa hành chính tại nơi mình sinh sống và xác nhận những “Địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định” hoặc “Nơi lánh nạn được chỉ định” gần nhà.

Địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định

Nơi bạn có thể đến để bảo vệ tính mạng tránh khỏi nguy hiểm trong trường hợp khẩn cấp do thiên tai.

Thường là công viên hoặc quảng trường v.v



Nơi lánh nạn được chỉ định

Nơi bạn có thể sống trong thời gian nhất định đến khi không còn mối nguy hiểm từ thiên tai.

Các công trình như trường cấp 1, cấp 2, cấp 3 hoặc trung tâm sinh hoạt cộng đồng v.v



★Bạn có thể nhận nước, đồ ăn, thông tin cần thiết ở nơi lánh nạn.

Ngoài ra bạn sẽ sinh hoạt cùng với nhiều người khác nữa.

Lối sống có thể khác nhau và cần chú ý biện pháp phòng tránh lây nhiễm bệnh. Hãy giữ gìn những quy tắc chung.

あぷり

● アプリ Ứng dụng

Hãy tải về máy ứng dụng sau.

「Safety tips」...Ứng dụng của chính phủ Nhật, cung cấp thông tin thảm họa thiên tai dành cho người nước ngoài

Có 15 ngôn ngữ như tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Việt v.v

apple



android



う え ぶ さ い と

● ウェブサイト Trang Web

Hãy đánh dấu trình duyệt của các trang web sau

Cổng thông tin phòng chống thiên tai tỉnh Nara

...Đăng các thông tin về khí hậu, thiên tai, giao thông đường bộ v.v ở tỉnh Nara.

<http://www.bosai.pref.nara.jp/pc/topdis-nara.htm>



Trang chủ của cơ quan Khí tượng

...Đăng các thông tin về khí tượng/ thiên tai bằng tiếng Nhật, tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.

<https://www.jma.go.jp/jma/indexe.html>



NHK WORLD JAPAN

...Đăng các thông tin khẩn cấp như động đất, sóng thần, tin tức NHK bằng tiếng Nhật đơn giản, tiếng Anh và các ngôn ngữ khác.

https://www3.nhk.or.jp/nhkworld/en/multilingual_links/



5 ラジオ Radio

Hãy xác nhận tần số phát sóng

Phát thanh FM địa phương và tần số ※có thể có những kênh khác

NHK – FM 87.4MHz (Narashi)、83.4 MHz (Ikomashi)、
89.0 MHz (Gojoshi)、88.5 MHz (Udashi) Khác

Nara Dotto FM 78.4MHz (khu vực phía Bắc tỉnh Nara (Narashi・Ikomashi・Yamato・Koriyamashi・Tenrishi))

FM Hi-ho 81.4MHz (Ojicho)

FM Gojo 78.0MHz (GoJoshi)

FM Yamato 77.5MHz
(Yamato・Takadashi・Kashiharashi・Goseshi・Kasturagishi・Kashibashishi, Koryocho)

FM Mahoroba 79.5MHz
(Tenrishi, Kashiharashi, Sakuraishi, Kawanishicho, Miyakecho, Tawaramotocho, Takatoricho, Asukamura)

« Quyết định cách thức liên lạc »

Hãy nói chuyện cùng gia đình và người quen để quyết định cách thức liên lạc với nhau khi thiên tai xảy ra.

● Bảng tin thảm họa (Điện thoại di động/ Điện thoại thông minh/ Máy tính)

Khi xảy ra thảm họa lớn như động đất có cường độ địa chấn từ 6 yếu trở lên, bảng tin thảm họa sẽ được kích hoạt. Người dân có thể xác nhận tình trạng an toàn qua điện thoại hoặc máy tính.

Vui lòng kiểm tra nội dung các dịch vụ trên trang chủ.

(Các ngôn ngữ hỗ trợ: tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn).

● Số gọi khi có thiên tai của hãng NTT

Bảng tin nhắn thiên tai NTT (Web 171)	https://www.web171.jp 
--	---

Có thể sử dụng khi khó kết nối điện thoại trong thảm họa.

Trong trường hợp không liên lạc được với gia đình, nếu gọi số “171” thì có thể để lại lời nhắn hoặc nghe lời nhắn.



Gọi vào số **1 7 1**

▼ nghe tổng đài hướng dẫn tự động ▼

Để lại lời nhắn: ấn 1

Để nghe tin nhắn thoại: ấn 2

▼ nghe tổng đài hướng dẫn tự động ▼

Nhập SĐT của người ở vùng gặp thiên tai bắt đầu bằng mã vùng
(○○○○)○○—○○○○

▼ nghe tổng đài hướng dẫn tự động ▼

1 (ghi âm·nghe tin nhắn thoại)

▼ nghe tổng đài hướng dẫn tự động ▼

9 (kết thúc)

8 (nghe lại (chỉ trong trường hợp nghe tin nhắn thoại))

《Những đồ nên tích tại nhà/ mang đi khi lánh nạn》

Hãy chuẩn bị đồ để cả gia đình có thể sinh hoạt được ít nhất trong 3 ngày và kiểm tra lại mỗi năm 1 lần.

☐	Nước uống (1 người cần khoảng 3 lít nước một ngày) のみず 飲み水 (1人 1日 3リットルくらい)	☐	Tiền mặt かね お金
☐	Thực phẩm đóng gói, đóng hộp, bánh kẹo れとるとしよくひん かんづめ か し レトルト食品/缶詰/お菓子	☐	Thẻ ngân hàng/ Sổ ngân hàng/ Con dấu きゃっしゅかーど・つうちよう・いんかん キャッシュカード・通帳・印鑑
☐	Sạc dự phòng, sạc điện thoại もばいるばってりー すまーとふぉん じゅう モバイルバッテリー、スマートフォンの充 でんき 電器	☐	Bản photo thẻ bảo hiểm sức khỏe けんこうほけんしょう こびー 健康保険証のコピー
☐	Pin でんち 電池	☐	Hộ chiếu ばすほーと パスポート
☐	Găng tay (găng tay lao động) てぶくろ ぐんて 手袋(軍手)	☐	Thẻ ngoại kiều ざいりゅうかーど 在留カードなどの ID
☐	Thuốc (thuốc dự phòng, thuốc tiêu hóa, thuốc bôi vết thương v.v) くすり じょうびやく いちょうやく きずぐすり 薬(常備薬・胃腸薬・傷薬)	☐	Bàn chải đánh răng, kem đánh răng は 歯みがき 歯ブラシ・歯磨き粉
☐	Nhiệt kế たいおんけい 体温計	☐	Giấy ướt うえつとていっしゅ ウェットティッシュ
☐	Đèn pin cầm tay かいちゅうでんとう 懐中電灯	☐	Bồn cầu di động けいたいといれ 携帯トイレ
☐	Tấm nhôm giữ ấm ほおんあるみしーと 保温アルミシート	☐	Băng dính がむてーぶ ようじょうてーぶ ガムテープ・養生テープ
☐	Khăn tắm たおる タオル	☐	Nến, đèn, bật lửa らいたー まっち ろうそく・ライター・マッチ
☐	Quần áo (đồ giữ ấm v.v), đồ lót ふく ぼうかん ぎ したぎ 服(防寒着など)・下着	☐	Giấy ghi, bút めもようし ぺん メモ用紙・ペン
☐	Băng vệ sinh/ Dụng cụ y tế せいりようひん きゅうきゅうようひん 生理用品・救急用品	☐	Dao ないふ ナイフ
☐	Túi nilong びにーるぶくろ ビニール袋	☐	Đồ mở hộp, chai かんき せんぬ 缶切り・栓抜き
☐	Khẩu trang, nước sát khuẩn ますく しゅししょうどくざい マスク・手指消毒剤	☐	Giấy báo しんぶんし 新聞紙
☐	Chăn もうふ 毛布	☐	Đài radio らじお ラジオ

Nếu có trẻ nhỏ thì hãy chuẩn bị thêm cả bỉm, giấy lau, sổ tay mẹ và bé, đồ ăn dặm, sữa bột v.v

《Giới thiệu những dụng cụ cố định đồ gia dụng》^{かぐ}家具 固定グッズの紹介

Đây là những vật giúp đồ gia dụng khó rơi đổ khi nhà bị rung lắc do động đất. Xin hãy tham khảo.

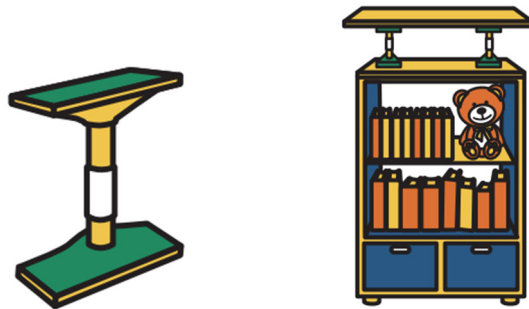
● Thảm gel chống động đất

Là miếng thảm có độ dính. Hãy dính chúng ở bề mặt dưới của những đồ điện có khả năng rơi đổ để chống trượt.



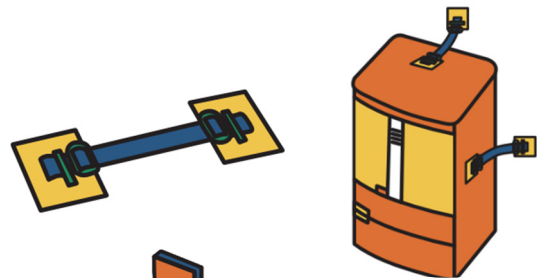
● Gậy chống đỡ

Cố định ở giữa gia cụ với trần nhà.



● Đai chống rơi

Cố định bằng cách gắn đai vào bề mặt cạnh và trên cùng của gia cụ với tường.



● Thanh gắn kim loại hình chữ L

Gắn vào gia cụ bằng ốc vít để cố định



● Tấm chống rơi

Chèn phía dưới gia cụ giúp gia cụ khó bị đổ hơn.



○ Ngoài ra, mọi người hãy tham gia “buổi luyện tập phòng chống thiên tai” để có thể biết được nên làm gì khi có thảm họa.

Khi thảm họa xảy ra 災害が起きた

7

《Động đất》 地震

Cảnh báo động đất khẩn cấp là thông báo về động đất từ đài phát thanh phòng chống thiên tai (loa phát thanh lớn được lắp ở từng vùng), tivi, đài radio, điện thoại. Thông báo phát ra từ điện thoại là “Mamonaku okina yure ga totatsu shimasu” (sắp có cơn chấn động lớn). Khi nghe thấy cảnh báo này thì hãy nhanh chóng sơ tán đến nơi an toàn.

(Tham khảo)



au 「緊急地震速報を受信したときの警報音(音声ガイダンスあり:スマートフォン(サンプル))」(https://www.youtube.com/watch?v=0DGAuxO_YWE)

●Ở nhà

- Bảo vệ đầu, trú ở những nơi kiên cố như dưới gầm bàn v.v
- Khi rung lắc giảm, kiểm tra gas và bếp.
- Không vội vã lao ra bên ngoài



●Ở bên ngoài

- Tường có thể bị đổ nên không đi gần tường.
- Chú ý tới mảnh thủy tinh vỡ hoặc biển báo rơi.



●Ở nơi công cộng

- Làm theo hướng dẫn của nhân viên. Không hoảng loạn chạy ra ngoài.

●Ở trong xe ô tô

- Cẩn thận dừng xe ở bên trái đường để nhường chỗ cho xe cứu thương và xe cứu hỏa.
- Để lại chìa khóa xe và không khóa cửa xe, bước ra ngoài và sơ tán.

●Trên xe buýt, tàu điện

- Nghe theo hướng dẫn của người lái xe hoặc nhân viên tàu.

●Khi xảy ra hỏa hoạn

- Nếu không nguy hiểm thì dập lửa bằng nước hoặc bình cứu hỏa. Trong trường hợp nguy hiểm thì hãy chạy trốn.
- Hãy thông báo với những người xung quanh.

《Mưa lớn/ Bão》 おおあめ たいふう 大雨や台風

Khi có dự báo mưa lớn, bão thì hãy tìm hiểu thông tin mới qua tivi, internet như thông tin khí tượng, thông tin sơ tán ở địa phương mình sinh sống v.v

Thông tin thời tiết do
C□ quan Khí tượng Nhật Bản phát đi

Tin nhắc
nhở

Thông báo khi có nguy cơ xảy ra thảm họa

Cảnh báo

Thông báo khi có nguy cơ xảy ra thảm họa nghiêm

Thông tin cảnh
báo sạt lở đất

Sẽ được phát đi khi mức độ nguy hiểm của sạt lở đất
tăng sau khi phát cảnh báo mưa to (sạt lở đất)

Nguy cơ xảy ra thảm họa nghiêm trọng đặc biệt tăng

Cảnh báo mưa lớn đặc biệt nguy hiểm
“Ome tokubetsu keiho”

Ngay lập tức
hành động bảo vệ mình!

- Khi có bão, gió có thể thổi bay đồ vật
- Hãy dọn dẹp vườn, ban công và mang đồ vào trong nhà.
- Khi gió thổi mạnh thì hãy ở trong nhà.
- Không lại gần những nơi nguy hiểm như núi, sông, biển v.v

Thông tin lánh nạn ひなんじょうほう 避難情報

Thông tin liên quan tới sơ tán, lánh nạn có thể được phát từ địa phương nơi bạn sinh sống nên hãy kiểm tra tivi, điện thoại v.v (→ trang 4,5)

Ngay cả khi không có thông tin được phát từ địa phương, nếu nước sông dâng cao do mưa và sắp tràn vào nhà hoặc sắp có sạt lở đất thì hãy tự phán đoán rồi sơ tán đến địa điểm lánh nạn an toàn (→ trang 3)

Mức cảnh báo	Thông tin lánh nạn	Hành động
5	Đảm bảo an toàn khẩn cấp	NGUY HIỂM TÍNH MẠNG BẢO VỆ AN TOÀN NGAY LẬP TỨC Đây là tình huống không thể sơ tán đến nơi lánh nạn an toàn và được coi là tình trạng nguy hiểm đến tính mạng. Hãy di chuyển đến vị trí an toàn nhất có thể, ngay cả khi chỉ là một khoảng cách nhỏ.
<Nhanh chóng lánh nạn khi cảnh báo được nâng lên mức 4!>		
4	Lệnh sơ tán	SƠ TÁN TẤT CẢ MỌI NGƯỜI KHỎI NƠI NGUY HIỂM Hãy sơ tán khỏi nơi nguy hiểm ngay lập tức.
3	Sơ tán đối với người già v.v	SƠ TÁN NGƯỜI GIÀ VÀ NGƯỜI KHÁC KHỎI NƠI NGUY HIỂM Hãy bắt đầu sơ tán người già, người khuyết tật, người cần nhiều thời gian để sơ tán khỏi những nơi nguy hiểm.
2	Khuyến cáo mưa lụt/ lũ lụt	Chuẩn bị lánh nạn, xác nhận cách lánh nạn của mình bằng bản đồ cảnh báo nguy hiểm (hazard map) v.v.
1	Thông báo cảnh báo sớm	Hãy nâng cao tinh thần chuẩn bị cho thảm họa

- Khi lệnh sơ tán được phát thì hãy ngay lập tức sơ tán đến nơi an toàn như địa điểm lánh nạn (→ trang 3)
- Nếu việc đi ra ngoài là nguy hiểm thì hãy di chuyển đến nơi an toàn hơn trong tòa nhà (ví dụ như tầng 2).

※Không đến gần phía cửa sổ ở trong nhà.

さいがい　ちしき　めも

Kiến thức và ghi chú về thảm họa 災害の知識・メモ

さいがいようご　さいがい

《Các thuật ngữ về thảm họa》 災害用語(災害のことば)

Phân loại	Tiếng Nhật 日 本 語				Tiếng Việt
区分		Phát âm よみ方		Tiếng Nhật đơn giản やさしい日本語	ベトナム語
Khi nguy hiểm đến gần 危険が せまった とき	避難	ひなん	Hinan	にげること	Lánh nạn
	避難指示	ひなん しじ	Hinan- Shiji	にげてください	Lệnh sơ tán
	避難場所	ひなんばし よ	Hinan- basho	さいがいのとき、にげるところ	Địa điểm lánh nạn
	避難所	ひなんじょ	Hinan-jo	にげたあと　せいかつできるところ	Trung tâm lánh nạn (nơi sinh sống sau khi sơ tán)
	安否確認	あんぴ かくにん	Anpi- kakunin	そのひとが　だいじょうぶかどうか しらべます	Xác nhận an toàn
Thời tiết 気象	注意報	ちゅうい ほう	Chuihou	あめ、かぜ、つなみなどが 「あぶない」というおしらせ	Cảnh báo chú ý
	警報	けいほう	Keihou	あめ、かぜ、つなみなどが 「とてもあぶない」というおしらせ	Cảnh báo nguy hiểm
	特別警報	とくべつ けいほう	Tokubet su- keihou	「けいほうより　とてもあぶない とくに　きをつけてください」 という　おしらせ	Cảnh báo đặc biệt nguy hiểm
	暴風雨	ぼうふう	Boufuu	とてもつよい　あめ　と　かぜ	Mưa bão mạnh
	暴風域	ぼうふう いき	Boufuuiki	とてもつよい　かぜが　ふく　ところ	Khu vực mưa bão
Động đất 地震	震源	しんげん	Shingen	じしんが　おきた　ところ	Tâm chấn
	震度	しんど	Shindo	じしんの　ゆれの　つよさ・おおきさ (0～7 まであって 7 がいちばんつよい・おおきい)	Cường độ động đất
	余震	よしん	Yoshin	おおきな　じしんの　あとに　おこる じしん	Dư chấn
	耐震性	たいしん せい	Taishin- sei	じしんに　たえる　ちから	Khả năng chống chịu động đất

Phân loại 区分	Tiếng Nhật 日 本 語			Tiếng Việt ベトナム語
		Phát âm よみ方	Tiếng Nhật đơn giản やさしい日本語	
Mưa lớn/ Bão おおあめ・大雨・たいふう 台風	崖崩れ	がけくずれ	Gake-kuzure やまで、つちや いしが おちること	Trượt lở đất
	土砂崩れ	どしゃくずれ	Dosha-kuzure あめがふり やまの つちが きゅうにくずれおちること	Sạt lở đất
	洪水	こうずい	Kouzui あめが たくさんふり、 かわの みずが あふれること	Lũ lụt
	浸水	しんすい	Shinsui いえの なかに みずが はいること	Ngập lụt
Cuộc sống せいかつ生活	ライフライン	らいふらいん	Lifeline すいどう、でんき、がす、でんわ など	Tiện ích cần thiết để duy trì cuộc sống
	断水	だんすい	Dansui すいどうを つかうことが できません	Sự cắt nước
	給水	きゅうすい	Kyusui みずを もらうことが できます	Sự cung cấp nước
	非常食	ひじょうしょく	Hijou-shoku さいがいの ときの ために、 じゅんびしておく たべもの	Đồ ăn dự trữ trong tình huống khẩn cấp
	救援物資	きゅうえんぶっし	Kyuen-busshi さいがいなどで こまったときに、 ただでもらえるもの	Đồ cứu trợ
	炊き出し	たきだし	Takidashi ごはんや あたたかいのみものを もらうことが できます	Việc cung cấp đồ ăn, nhu yếu phẩm miễn phí
	配給	はいきゅう	Haikyuu たべものなどを ただで くばること	Phân phát
	被災者	ひさいしゃ	Hisaisha さいがいを うけたひと	Người bị nạn
	罹災証明	りさいしょうめい	Risai-shoumei さいがいに あったことを しょうめいするもの	Bằng chứng cho thấy bị ảnh hưởng bởi thảm họa
	仮設住宅	かせつじゅうたく	Kasetu-juutaku さいがいで いえがなくなったとき、いちじてきに すむことが できます	Nhà ở tạm thời
	備蓄品	びちくひん	Bichikuhin さいがいの ときなどのために、 じゅんびしておくもの	Đồ dự phòng khẩn cấp

きんきゅうこじんかーど
緊急個人カード

Thẻ khẩn cấp cá nhân

ひなん 避難したときのために、カードをつくってカバンなどに入れておきましょう！

Hãy làm thẻ khẩn cấp cá nhân và để sẵn trong túi xách!

Tên なまえ 名前			
Ngôn ngữ げんご 言語		Quốc tịch くに 	
Ngày sinh せいねんがっぴ 生年月日		Nhóm máu けつえきがた 血液型	
Địa chỉ -Số điện thoại じゅうしょ でんわばんごう 住所と電話番号			
Số hộ chiếu ぱすぽーと パスポートNo		Tên và địa chỉ nơi lánh nạn ひなんじょ なまえ ちず 避難所の名前と地図	
Số thẻ ngoại kiều ざいりゅうかーど 在留カードNo		Tên なまえ 名前:	
Tên và thông tin liên lạc của các thành viên gia đình かぞく なまえ れんらくさき 家族の名前と連絡先			
Tên và thông tin liên lạc nơi làm việc きんむさき なまえ れんらくさき 勤務先の名前と連絡先			
Thông tin liên lạc nước ngoài がいこく れんらくさき 外国の連絡先			
Thông tin của Đại sứ quán/ Lãnh sự quán りょうじかん たいしかん 領事館・大使館			
Văn phòng thành phố, thị trấn, làng しちょうそん やくば 市町村役場			

にほんご つた

日本語で伝える Tiếng Nhật hữu dụng

<Hãy chỉ vào những câu tiếng Nhật sau khi gặp sự cố 指を差して伝えましょう>

Tình huống 場面 ばめん	Câu nói 伝えたい言葉 つた ことば
Khi bạn không biết địa điểm lánh nạn ひなんじょ ばしょ 避難所の場所がわからないとき	 わたし ひなんじょ つ 私を避難所に連れて行ってください。 Watashi wo hinanjo ni tsureteitte kudasai (Vui lòng dẫn tôi đến địa điểm lánh nạn!)
Khi bạn đang gặp khó khăn vì bị bệnh hoặc bị thương. おお びょうき こま 大きな病気やけがをして困っているとき	 けがをしています Kega wo shiteimasu (Tôi bị thương.) びょういん つ い 病院に連れて行ってください。 Byouin ni tsureteitte kudasai (Xin hãy đưa tôi đến bệnh viện.) きゅうきゅうしゃ よ 救急車を呼んでください。 Kyuukyuusha wo yonde kudasai (Xin hãy gọi xe cứu thương giúp tôi.)
Khi tàu điện hoặc xe buýt ngừng chạy. でんしゃ ばす 電車やバスがと止まったとき	 うご いつ動きますか？ Itsu ugokimasuka? (Khi nào tàu điện/ xe buýt hoạt động trở lại ạ?) わたし まるまる い 私は〇〇まで行きますが、 どうしたらいいですか？ Watashi ha 〇〇made ikimasu ga, doshitara iidesuka? (Tôi muốn đi đến 〇〇 thì tôi nên làm gì?)
Khi bạn muốn tìm một người có thể nói tiếng Việt. えいご はな ひと 英語が話せる人をさが探してつたえたいとき	 こま 困っています。 えいご はな ひと 英語が話せる人はいますか？ Komatteimasu. Eigo ga hanaseru hito wa imasuka? (Tôi đang gặp rắc rối, có ai có thể nói được tiếng Việt không ạ?)

Tình nguyện viên biên phiên dịch khi có thiên tai

Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài tỉnh Nara đang tuyển dụng “Tình nguyện viên biên phiên dịch khi có thiên tai” hỗ trợ cư dân nước ngoài và khách du lịch nước ngoài bị ảnh hưởng khi thảm họa lớn xảy ra ở Nara hoặc các tỉnh thuộc vùng Kinki.

【Nội dung hoạt động】

- ◇ Tiếp nhận tư vấn từ người nước ngoài bị ảnh hưởng bởi thiên tai (khi đi khảo sát tại khu vực sơ tán, tại quầy tư vấn, qua điện thoại)
- ◇ Thông dịch, biên dịch thông tin về thiên tai
- ◇ Thu thập và truyền tải thông tin về thiên tai dành cho người nước ngoài bị ảnh hưởng



Chi tiết xin vui lòng xem ở trang Web <https://www.pref.nara.jp/67810.htm>

TƯ VẤN CUỘC SỐNG CHO CƯ DÂN NƯỚC NGOÀI TẠI TỈNH

Chúng tôi hiện đang thực hiện tư vấn về cuộc sống cho người nước ngoài sinh sống tại tỉnh Nara. Mọi thông tin sẽ được bảo mật.

Bạn có thể tư vấn trực tiếp tại quầy, qua điện thoại hoặc qua web. Hoàn toàn miễn phí!

【Số điện thoại tư vấn】 0742-81-3420

■Thời gian: Từ thứ hai đến thứ sáu, 9:00~ 17:00 (trừ thứ Bảy, các ngày lịch đỏ và lễ tết)

(Tiếp nhận tư vấn vào chủ nhật sẽ được bắt đầu từ tháng 4 năm 2025)

■Ngôn ngữ tư vấn tại quầy/ điện thoại/ Web:

Tiếng Nhật: từ thứ hai đến thứ sáu và chủ nhật/ **Tiếng Anh:** thứ ba/ **Tiếng Việt:** thứ tư/ **Tiếng Trung:** thứ năm

(Tiếp nhận tư vấn vào chủ nhật sẽ được bắt đầu từ tháng 4 năm 2025)

■Ngôn ngữ tư vấn tại quầy bằng máy phiên dịch tự động:



Tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Nepal, tiếng Indonesia, tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Anh (thứ hai ~ thứ sáu và chủ nhật)

Chi tiết xin vui lòng xem ở trang Web <https://www.pref.nara.jp/31742.htm>

Phát hành bởi: Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài tỉnh Nara

〒630-8122

Narashi, Sanjo Honmachi 8-1 Silkia Nara, Tầng 2

Từ cửa phía Tây ga JR Nara đi bộ 3 phút

TEL: 0742-81-3320 FAX: 0742-81-3321

